

## Hướng dẫn vận hành & lắp đặt

Máy giặt  
(Dùng cho gia đình)

Số model. **NA-V115FW1**

Máy giặt này có tính năng  
“Tiện ích sấy” (Tr. 30).

### Nội dung

|                               |    |
|-------------------------------|----|
| Lưu ý về an toàn              | 2  |
| Kiểm tra máy giặt             | 7  |
| Trước khi giặt                | 8  |
| Bảng điều khiển               | 10 |
| Chất giặt tẩy                 | 12 |
| Auto Dose                     | 14 |
| Giặt                          | 16 |
| Các chương trình              | 18 |
| Chi tiết chương trình         | 20 |
| Mẹo giặt đồ                   | 22 |
| Thay đổi cài đặt chương trình | 24 |
| Tiện ích sấy (Chỉ sấy)        | 30 |
| Thay đổi cài đặt thiết bị     | 32 |
| Bảo dưỡng                     | 33 |
| Xử lý sự cố                   | 38 |
| Lỗi hiển thị                  | 44 |
| Chọn đúng chỗ                 | 46 |
| Di chuyển và Lắp đặt          | 47 |
| Nối đường ống                 | 49 |
| Chạy thử                      | 51 |
| Panasonic SmartApp+           | 52 |
| Thông số kỹ thuật             | 60 |



Cần đọc những hướng dẫn này.

VI

Cảm ơn quý khách đã mua sản phẩm.

- Xin vui lòng đọc kỹ các hướng dẫn này trước khi sử dụng  
để đảm bảo sản phẩm hoạt động tối ưu và an toàn nhất.

- Vui lòng cất giữ sách hướng dẫn này để tham khảo về sau. AWW9901CFVC0-0C0



# Lưu ý về an toàn



## CẢNH BÁO

### Có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong

**Không để trẻ em tự ý sử dụng sản phẩm.**



- Người dùng (bao gồm cả trẻ em) bị suy giảm về sức khỏe, giác quan hoặc tinh thần, hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức không được sử dụng sản phẩm, trừ khi họ được giám sát hoặc được hướng dẫn sử dụng bởi người chịu trách nhiệm cho sự an toàn của họ.
- Giám sát trẻ em, đề phòng trẻ đùa nghịch với sản phẩm.

**Cài đặt Khóa An Toàn. (Tr. 30)**



Bật



Giữ  
trong  
5 giây.

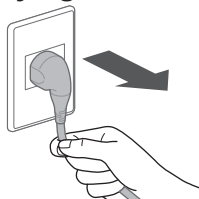


### Có thể gây hỏa hoạn hoặc điện giật

**Không chạm khi tay ướt.**



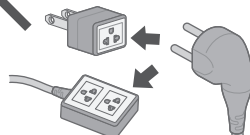
**Không cầm hoặc kéo dây nguồn.**



**Không sử dụng.**

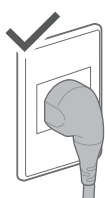


Khớp nối phích cắm



Dây nguồn nối dài

**Cắm chặt.**

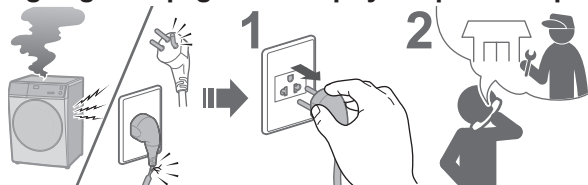


**Không sử dụng.**

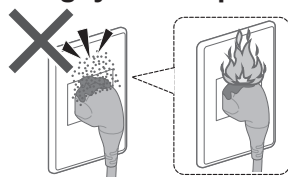


- Để tránh nguy hiểm, dây nguồn hỏng phải do nhà sản xuất, trung tâm dịch vụ hoặc người có chuyên môn thay thế.

**Trong trường hợp hỏng hóc hoặc trục trặc, ngừng sử dụng và liên hệ kỹ thuật viên điện.**



**Bụi bẩn tích tụ có thể gây hỏa hoạn.**



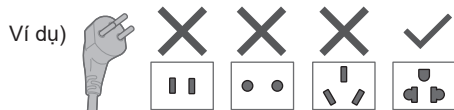
**Cắm chân nối đất thật chắc chắn. Yêu cầu kỹ thuật viên điện cung cấp một ổ cắm mới.**



**Vệ sinh phích cắm định kỳ.**



**Sử dụng ổ cắm thích hợp cho thiết bị này.**



- Hình dáng phích cắm thay đổi theo từng khu vực.

**Đề các vật liệu dễ cháy cách xa máy giặt.**



## Có thể gây hỏng hóc

**Không tự ý tháo dỡ, sửa chữa hoặc chỉnh sửa máy giặt.**



**Khi sử dụng ứng dụng “Panasonic SmartApp+”**

(Sóng vô tuyến từ thiết bị có thể là nguyên nhân gây trục trặc)

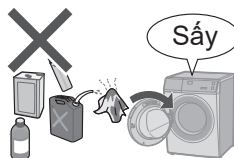
- Giữ cách xa bộ phận gắn của máy trợ tìm ít nhất 15 cm.
- Tránh xa thiết bị y tế và thiết bị điều khiển tự động (cửa tự động, thiết bị báo cháy, v.v.).

# Lưu ý về an toàn (tiếp)

## CẢNH BÁO

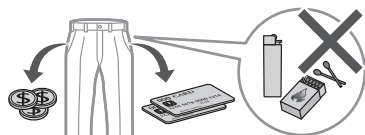
### Có thể gây hỏa hoạn (Để sử dụng máy sấy an toàn)

#### Không sấy các đồ vật dính chất liệu dễ cháy.



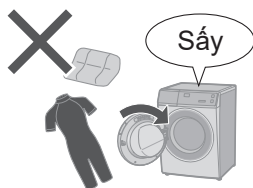
- Không được sấy các đồ vật dính các chất như dầu ăn, axeton, cồn, xăng, dầu hỏa, chất tẩy vết đốm, nhựa thông, sáp, chất tẩy sáp và dầu mỹ phẩm ngay cả khi đã được rửa sạch.

#### Làm trống tất cả các túi.



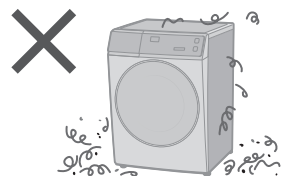
- Đảm bảo rằng không có đồ vật nào bị bỏ lại trong túi. Đặc biệt chú ý đến bật lửa và diêm. Chúng có thể gây cháy.

#### Không sấy các vật dụng làm bằng cao su, v.v.



- Không nên làm khô các vật dụng như cao su xốp, mũ tắm, vải dệt không thấm nước, vải kín khí, các vật dụng có lưng cao su và quần áo hoặc gối có đệm cao su xốp trong thiết bị. Những vật liệu đó có thể bị phá hủy và do đó làm hỏng thiết bị.
- Không sấy các vật dụng chưa giặt trong thiết bị này.

#### Không được để xơ vải tích tụ xung quanh thiết bị.



#### Tuân thủ những điều sau đây.

- Không bao giờ dừng thiết bị trước khi kết thúc chu trình sấy trừ khi tất cả các vật dụng được nhanh chóng lấy ra và tản ra ngoài để tản nhiệt.
- Không được sử dụng thiết bị nếu đã sử dụng hóa chất công nghiệp để làm sạch.
- Không được kết nối máy giặt này với các thiết bị chuyển mạch bên ngoài, chẳng hạn như bộ hẹn giờ, hoặc kết nối với mạch điện thường xuyên được bật và tắt bởi một tiện ích.





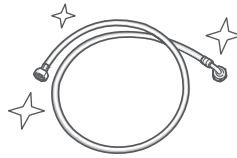
## CẢNH THẬN

### Có thể gây rò rỉ nước

Khóa vòi nước sau khi giặt xong.



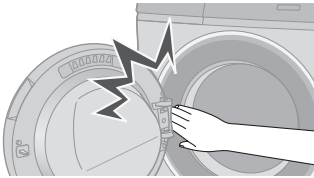
Sử dụng bộ ống nước mới.



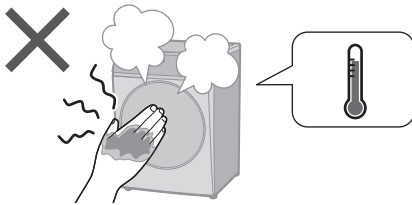
- Phải sử dụng bộ ống nước mới kèm theo sản phẩm, không sử dụng lại bộ ống nước cũ.

### Có thể gây thương tích

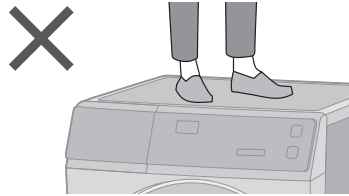
Cẩn thận, tránh để ngón tay bị kẹp khi mở hoặc đóng nắp đây.



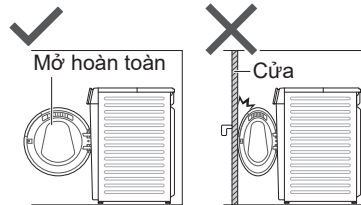
Không chạm khi máy đang nóng.



Không leo lên thiết bị.



Lắp đặt thiết bị đúng cách.



- Không được lắp đặt thiết bị phía sau cửa có khóa, cửa trượt hoặc cửa có bản lề ở phía đối diện với cửa thiết bị, làm vậy sẽ hạn chế việc mở hoàn toàn cửa thiết bị.

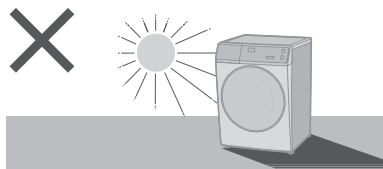
■ Để biết khối lượng quần áo khô tối đa và áp suất nước máy, xem Tr. 60.

# Lưu ý về an toàn (tiếp)

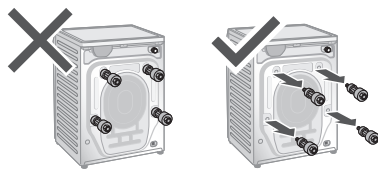
## CẦN THẬN

### Có thể gây hỏng hóc

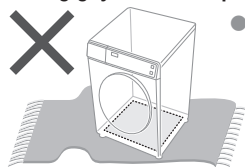
**Đặt xa nơi có ánh nắng mặt trời trực tiếp hoặc nguồn nhiệt.**



**Tháo các bulông neo bộ máy trước khi vận hành.**



**Không gây cản trở hoạt động của máy giặt.**

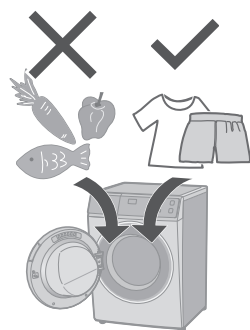


- Không bịt các lỗ hở dưới đáy bằng thảm, v.v.

**Không kết nối với nguồn nước nóng.**



**Chỉ sử dụng máy giặt cho các đồ vật có thể giặt máy.**



- Thiết bị này được chủ định để sử dụng trong gia đình. Thiết bị này không được chủ định để sử dụng trong các trường hợp như:
  - khu vực bếp nhân viên trong các cửa hàng, văn phòng và môi trường làm việc khác;
  - nhà ở trang trại;
  - bởi khách hàng trong khách sạn, nhà nghỉ và các loại hình cư trú khác;
  - môi trường kiểu phục vụ ăn uống suốt đêm và bữa sáng;
  - khu vực dùng chung trong các khối căn hộ hoặc trong phòng giặt ủi.

**Không giặt các quần áo dính quá nhiều dầu mỡ.**



**Thực hiện theo hướng dẫn.**

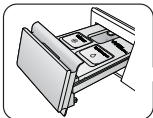


- Nên sử dụng chất làm mềm vải, hoặc các sản phẩm tương tự theo hướng dẫn sử dụng của chúng.

# Kiểm tra máy giặt

## Tên các bộ phận

Ngăn chất giặt tẩy (Tr. 13)



Bảng điều khiển  
(Tr. 10)

Không chặn  
cổng xả khí.

Cửa

Lồng giặt

Bản lề

Mép cửa

Chân điều chỉnh  
được (Tr. 48)

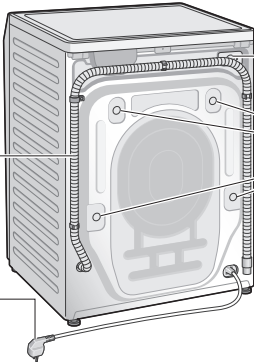
Nắp bộ lọc thoát  
nước (Tr. 35)

Ống xả  
(Tr. 49, 50)

Đường nước  
vào (Tr. 50)

Bulông neo bộ máy  
(Tr. 48)

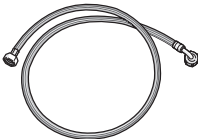
Dây điện và phích cắm\*  
\*Hình dạng phích cắm  
thay đổi theo khu vực.



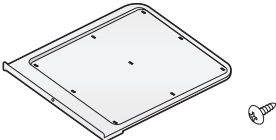
## Phụ kiện

☐ Ống cấp nước (1) (Tr. 49, 50)

☐ Nắp phủ (4) (Tr. 48)



☐ Tấm đáy (1) / Vít (1) (Tr. 47)

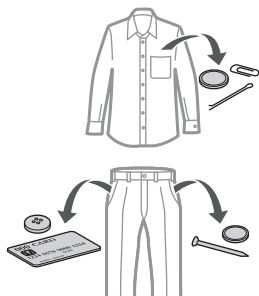


# Trước khi giặt/sấy

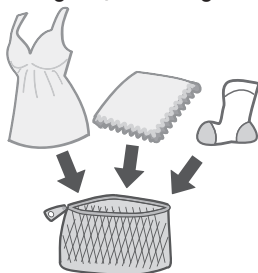
## Chuẩn bị giặt ủi

### Trước khi cho quần áo vào máy

- Loại bỏ dị vật.



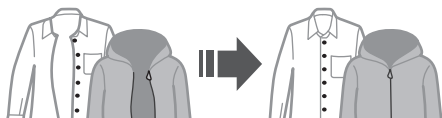
- Dùng lưới giặt cho các loại quần áo mỏng nhẹ, dễ hỏng và các món đồ nhỏ.



Nhét quá nhiều



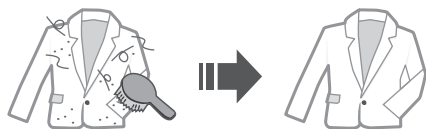
### Kiểm tra trước khi giặt



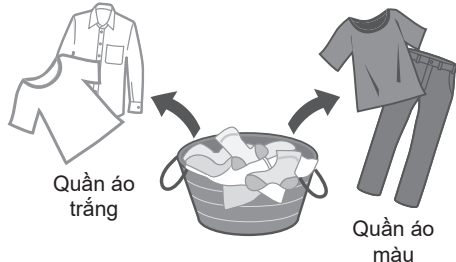
Lộn trái



Quần áo có khả năng bị xoắn



- Giặt riêng.



Quần áo trắng

Quần áo màu

- Xử lý sơ bộ các chỗ vết bẩn nặng.



- Xem kỹ nhãn hướng dẫn chăm sóc quần áo.



## Không thể giặt hoặc sấy

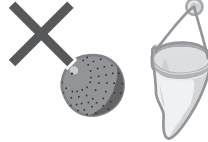
### Không thể giặt hoặc sấy



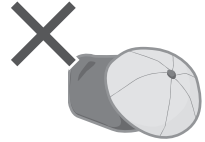
Da / lông thú



Lụa, lụa nhân tạo  
(Vải pha trộn)



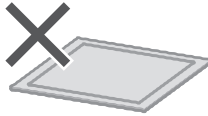
Các sản phẩm hỗ trợ giặt  
bán sẵn trên thị trường



Mũ có vật liệu lõi  
cứng



Đệm, Gối, v.v.



Đệm cao su hoặc  
thảm dày

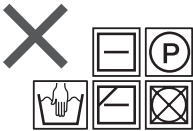


Tã giấy

### Khác...

- Các sản phẩm có nếp nhăn và in nổi
- Vải nhiều
- Quần áo dễ biến dạng (áo khoác, cà vạt, váy, v.v.)
- Vải nhung

### Không thể sấy



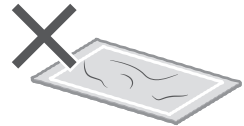
Bất kỳ ký hiệu nào  
ở trên



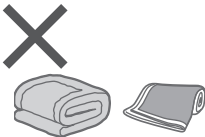
Quần áo len



Quần bó hoặc  
quần tất



Thảm hoặc các vật  
dụng khác vương tóc  
hoặc lông vật nuôi



Chăn màn



Quần áo có chất  
hồ vải



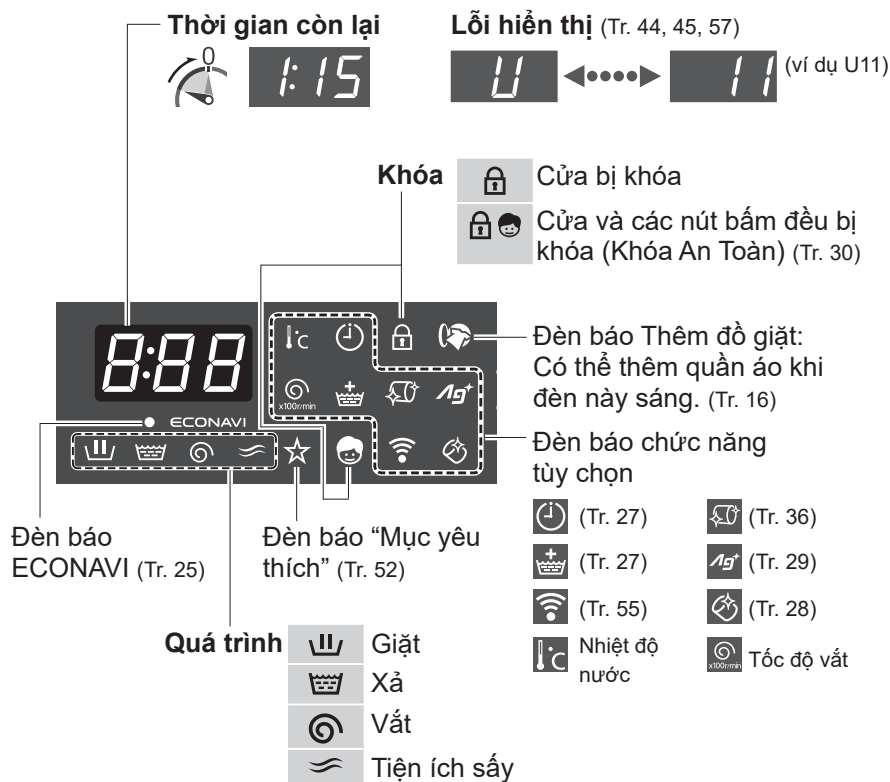
Quần áo có ren hoặc  
thêu, sợi tổng hợp  
mới, v.v.

### LƯU Ý

- Có thể gây biến dạng quần áo, hư hỏng và gây hại hoặc trục trặc cho thiết bị.

# Bảng điều khiển

## Hiển thị

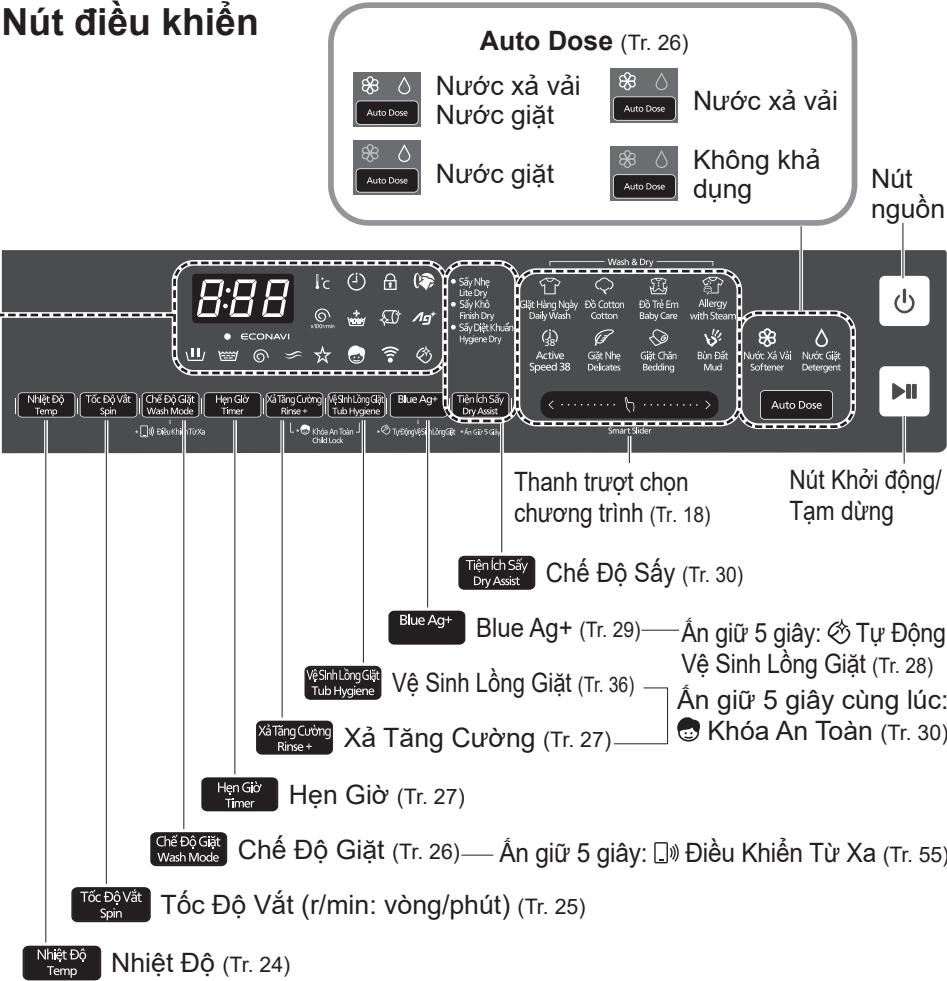


## Thao tác cảm ứng

- Nếu nước, chất giặt tẩy hoặc nước xả dính vào, hãy tắt và lau bằng khăn, v.v. ngay lập tức. (Nguyên nhân sự cố)



# Nút điều khiển



## LƯU Ý

- Tắt ➡ bật trở lại  

Tắt (3 giây) Bật
- Không vận hành ➡ tự động tắt nguồn  

Bật (Không nhấn 10 phút) Tự động tắt nguồn
- Trong trường hợp mất điện  
➡ Khi có điện trở lại, máy sẽ tiếp tục vận hành từ nơi đã dừng lại. (Tự khởi động lại)

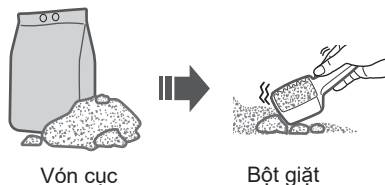
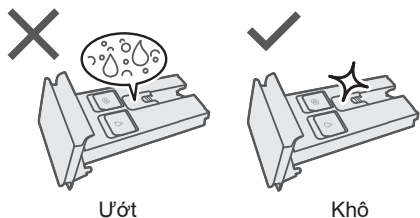
# Chất giặt tẩy

- Làm theo hướng dẫn trên bao bì.

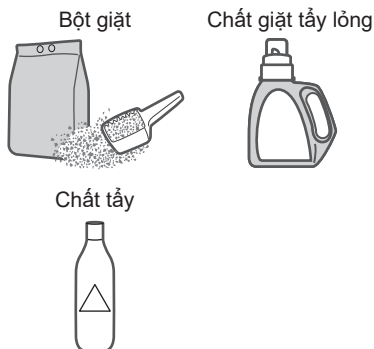
## Chất giặt tẩy

Sử dụng chất giặt tẩy ít bột

- Để tránh việc chất giặt tẩy còn đọng lại trong ngăn cấp chất giặt tẩy thủ công:

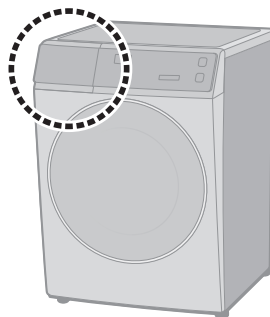


## Ngăn cấp chất giặt tẩy thủ công

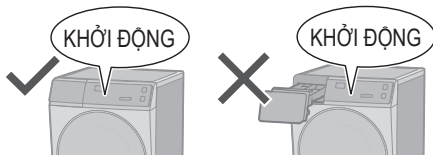


## Chất tẩy

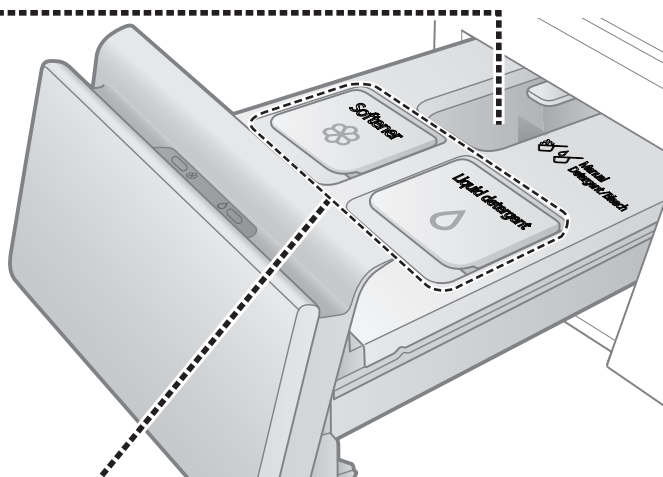
Chất tẩy trắng  
(chất tẩy Clo)



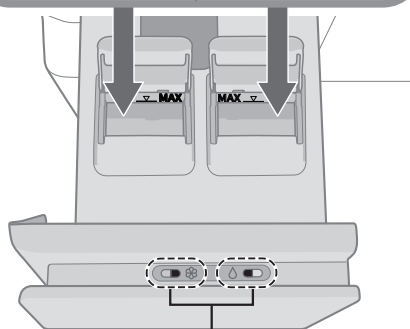
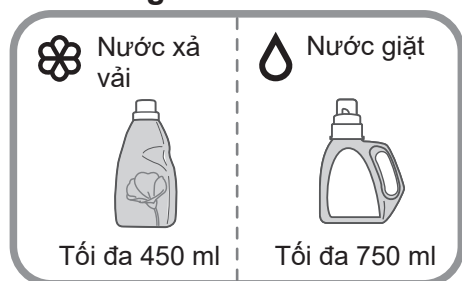
## LƯU Ý







### Ngăn Auto Dose



Khi thêm nước giặt / nước xả vải vào thì cửa sổ màu đen chuyển sang màu hồng (nước xả vải) và màu xanh (nước giặt). Bổ sung thêm nước giặt / nước xả vải trước khi cửa sổ chuyển hết sang màu đen.

### LƯU Ý

- Nước giặt / nước xả vải để lâu có thể vón cục hoặc đông đặc gây tắc bơm hoặc tắc phao. Trong trường hợp đó, hãy vệ sinh ngăn Auto Dose. (Tr. 32)



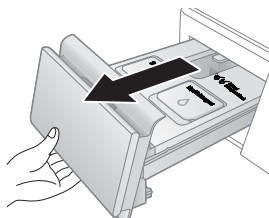
Không sử dụng nước xả vải đã tách lớp hoặc vón cục.

# Auto Dose

Nước giặt và nước xả vải sẽ tự động được thêm vào tùy thuộc vào lượng đồ giặt và mức cài đặt, khả dụng với tất cả các chương trình ngoại trừ “Vệ Sinh Lồng Giặt” và “Tiện Ích Sấy”.

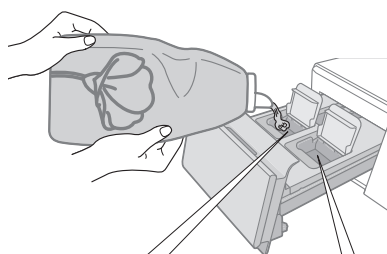
## ■ Để nạp nước giặt / nước xả vải

1



- Kéo ngăn chứa ra.

2



Nước xả vải  
Tối đa: 450 ml

Nước giặt  
Tối đa: 750 ml

3

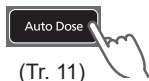
Đóng hoàn toàn nắp ngăn Auto Dose.

## ■ Để cài đặt tính năng “Auto Dose”

1



2



(Tr. 11)



(Cài đặt mặc định)

3



(Cài đặt sẽ được lưu lại cho những lần sau.)

## ■ Lượng tiêu chuẩn

- Khối lượng vải khô: 4 kg
- Nước giặt: 30 ml
- Nước xả vải: 30 ml

## ■ Để thay đổi lượng nước giặt/xả

1



2



Giữ 3 giây



30 x2  
(ví dụ)



Nước xả



Nước giặt

3

## • Để tăng hoặc giảm



- Phạm vi cài đặt
  - Nước giặt: 6 ml - 60 ml
  - Nước xả vải: 6 ml - 81 ml
- Bước thay đổi: 3 ml

(Cài đặt sẽ được lưu lại cho những lần sau.)

4



## LƯU Ý

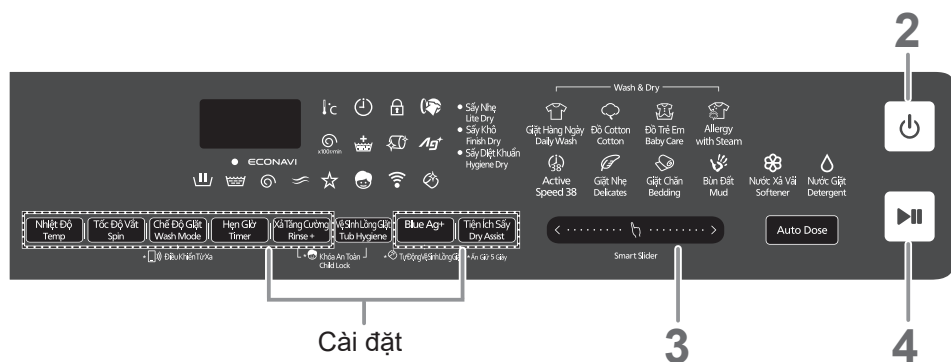
- Nếu có nước trong lồng giặt từ trước, nước giặt và nước xả sẽ không được cấp tự động trong quá trình giặt.
- Khi nhiệt độ môi trường thấp, thời gian vận hành có thể lâu hơn do nước giặt/nước xả vải có thể đông đặc lại.

■ Q&A

|                          | Câu hỏi                                                                                                 | Trả lời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nước giặt / Nước xả vải  | <b>Những gì không thể được sử dụng với tính năng “Auto Dose”?</b>                                       | <p>Những điều sau đây không thể được sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>● Bột giặt tổng hợp</li><li>● Xà phòng lỏng</li><li>● Các sản phẩm không có nhãn “Số lượng ước tính để sử dụng” trên hộp đựng</li><li>● Chất tẩy trắng</li><li>● Bột xà phòng</li></ul> <p>Muối nở không thể được sử dụng cho “Auto Dose” hay cấp chất giặt tẩy thủ công.</p> |
|                          | <b>Khi thay đổi loại nước giặt / nước xả vải</b>                                                        | <p>Làm theo các bước dưới đây:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>① Đổ hết ngăn Auto Dose và vệ sinh. (Trang 32)<br/>(Trộn các loại khác nhau có thể gây tắc nghẽn)</li><li>② Thêm nước giặt / nước xả vải mới. (Trang 14)</li></ol>                                                                                                                           |
|                          | <b>Có thể đổ thêm nước giặt/xả trước khi nó hết không?</b>                                              | <p>Có thể đổ thêm nếu cùng loại nước giặt/xả.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                          | <b>Lượng nước giặt/xả tiêu chuẩn là bao nhiêu?</b>                                                      | <ul style="list-style-type: none"><li>● Lượng tiêu chuẩn là lượng nước giặt / nước xả vải được sử dụng trên mỗi 4 kg vải khô.<br/>Kiểm tra thông tin trên bao bì sản phẩm.</li><li>● Nếu không có thông tin trên hộp đựng hoặc nếu bạn không chắc chắn, hãy liên hệ với nhà sản xuất.</li></ul>                                                                       |
| Cách sử dụng “Auto Dose” | <b>Có thể giặt bao nhiêu lần khi ngăn Auto Dose đầy?</b>                                                | <ul style="list-style-type: none"><li>● Nước giặt: khoảng 22 lần<br/>Số lần sử dụng thay đổi tùy thuộc vào lượng đồ giặt và lượng cài đặt “Auto Dose”.</li></ul>                                                                                                                                                                                                      |
|                          | <b>Nếu không thay đổi cài đặt lượng nước giặt /nước xả vải tiêu chuẩn?</b>                              | <ul style="list-style-type: none"><li>● Lượng tiêu chuẩn là:<ul style="list-style-type: none"><li>• 30 ml nước giặt trên mỗi 4 kg vải khô</li><li>• 30 ml nước xả vải trên mỗi 4 kg vải khô</li></ul></li><li>● Nếu cài đặt không phù hợp với loại nước giặt / nước xả vải bạn đang sử dụng, vết bẩn có thể không bong ra hoặc đồ giặt có thể bị sẫm màu.</li></ul>   |
|                          | <b>Nếu sử dụng tính năng “Auto Dose” đồng thời vẫn cho chất giặt vào ngăn nạp chất giặt / chất tẩy.</b> | <p>Chất giặt sẽ bị quá nhiều do được cấp vào hai lần trong quá trình giặt.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

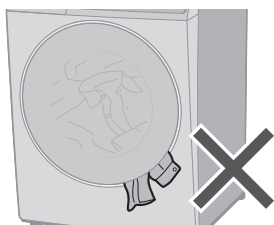
# Giặt & Sấy

Phương pháp cơ bản

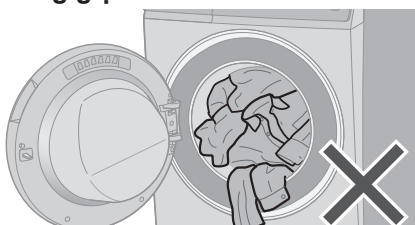


## LƯU Ý

■ Không để đồ giặt bị vướng vào cửa.

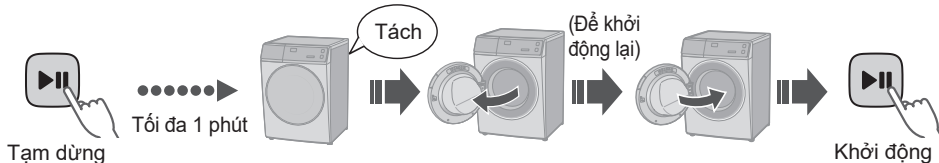


■ Không bỏ quá nhiều đồ giặt vào lồng giặt.



■ Để mở cửa trong khi đang vận hành

(Có thể cho thêm quần áo vào khi đèn sáng.)

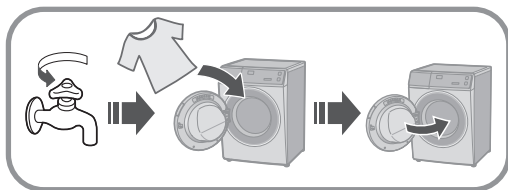


## LƯU Ý

● Cửa không mở ➡ (Tr. 39)



1



2



Kiểm tra cài đặt  
"Auto Dose"  
(Tr. 11, 14)

hoặc



3



Chọn chương trình. (Tr. 18)

■ Thay đổi cài đặt.

## Cài đặt

|                                      |                                              |                                                              |                              |
|--------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------|
| Nhiệt Độ<br>Temp<br>(Tr. 24)         | Tốc Độ Vắt<br>Spin<br>(Tr. 25)               | Chế Độ Giặt<br>Wash Mode<br>(Tr. 26)                         | Hẹn Giờ<br>Timer<br>(Tr. 27) |
| Xả Tăng Cường<br>Rinse +<br>(Tr. 27) | Vệ Sinh Lồng Giặt<br>Tub Hygiene<br>(Tr. 36) | Blue Ag+;<br>Tự Động Vệ<br>Sinh Lồng<br>Giặt<br>(Tr. 28, 29) |                              |

4



↓



Đo lường đồ giặt

↓  
(30 giây)

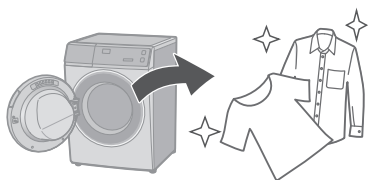


Hiển thị thời gian cần thiết  
(được tính toán lại)

↓  
(Ví dụ)



5



# Các chương trình

| Chương trình                                                                                                | Mô tả                                                                                                                                                                                           | Khối lượng tối đa (kg) | Tổng thời gian |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------|
|  <b>Giặt Hàng Ngày</b>     | <ul style="list-style-type: none"><li>Quần áo hàng ngày (Nhanh hơn chương trình “Đồ Cotton”)</li></ul>         | 11.5                   | 1:30           |
|  <b>Đồ Cotton</b>          | <ul style="list-style-type: none"><li>Quần áo hàng ngày</li></ul>                                              | 11.5                   | 3:00           |
|  <b>Đồ Trẻ Em</b>          | <ul style="list-style-type: none"><li>Quần áo dành cho trẻ nhỏ &amp; người có làn da nhạy cảm</li></ul> Xả kỹ  | 5.0                    | 2:20           |
|  <b>Allergy with Steam</b> | <ul style="list-style-type: none"><li>Dành cho ve bét và phấn hoa</li></ul>                                    | 5.0                    | 2:10           |
|  <b>Vệ Sinh Lồng Giặt</b>  | <ul style="list-style-type: none"><li>Vệ sinh lồng giặt.</li></ul>                                            | Không                  | 3:50           |

- **Tổng thời gian chỉ là tương đối** (Khi lưu lượng cấp nước tiêu chuẩn là 15 L / phút). Đối với nhiệt độ nước mặc định của mỗi chương trình.

| Chương trình                                                                                            | Mô tả                                                                                                                                                 | Khối lượng tối đa (kg) | Tổng thời gian |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------|
|  <b>Active Speed 38</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Lượng đồ giặt nhỏ</li> </ul>  | 5.0                    | 0:38           |
|  <b>Giặt Chăn</b>       | <ul style="list-style-type: none"> <li>Các đồ giặt lớn</li> </ul>    | 3.0                    | 1:30           |
|  <b>Giặt Nhẹ</b>        | <ul style="list-style-type: none"> <li>Giặt vải mỏng nhẹ</li> </ul>  | 2.0                    | 0:50           |
|  <b>Bùn Đất</b>         | <ul style="list-style-type: none"> <li>Vết bẩn bùn đất</li> </ul>    | 11.5                   | 3:40           |

## ECONAVI

- Chỉ chương trình “Giặt hàng ngày”



### ■ Chỉ báo đèn

-  Đang dò tìm
-  Đã bật ECONAVI
-  Đã tắt ECONAVI

# Chi tiết chương trình

| <div> <div>Cài đặt</div> <div>Chương trình</div> </div>                                                     | Cài đặt tự động |                    |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------|--|
|                                                                                                             | Nhiệt độ (°C)   | Tốc độ vắt (r/min) |  |
|  <b>Giặt Hàng Ngày</b>     | 40              | 1200               |  |
|  <b>Đồ Cotton</b>          | 40              | 1200               |  |
|  <b>Đồ Trẻ Em</b>          | 40              | 1400               |  |
|  <b>Allergy with Steam</b> | 60              | 1400               |  |
|  <b>Active Speed 38</b>    | 40              | 1200               |  |
|  <b>Giặt Nhẹ</b>           | 30              | 500                |  |
|  <b>Giặt Chăn</b>          | Cold            | 700                |  |
|  <b>Bùn Đất</b>            | 40              | 1200               |  |
|  <b>Vệ Sinh Lồng Giặt</b>  | 40              | 1200               |  |

## LƯU Ý

- Nhiệt độ nước thực tế có thể khác với nhiệt độ theo chu trình đã tuyên bố.
- Các kết quả thử nghiệm tùy thuộc vào áp lực nước, độ cứng của nước, nhiệt độ đường nước vào, nhiệt độ phòng, loại và lượng tải, mức độ bẩn, chất giặt tẩy được sử dụng, dao động trong nguồn cấp điện chính và các lựa chọn bổ sung đã chọn.



| Phạm vi cài đặt       |                                                                                                          | Chức năng tùy chọn |         |               |          |                           |
|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------|---------------|----------|---------------------------|
| Nhiệt độ (°C)         | Tốc độ vắt (r/min)                                                                                       | Chế Độ Giặt        | Hẹn Giờ | Xả Tăng Cường | Blue Ag+ | Tự động vệ sinh lồng giặt |
| Nước lạnh, 30, 40, 60 |  , 500, 700, 1200, 1400 | ✓                  | ✓       | ✓             | ✓        | ✓                         |
| Nước lạnh, 30, 40, 60 |  , 500, 700, 1200, 1400 | ✓                  | ✓       | ✓             | ✓        | ✓                         |
| Nước lạnh, 30, 40, 60 |  , 500, 700, 1200, 1400 | ✓                  | ✓       | ✓             | ✓        | ✓                         |
| 60                    |  , 500, 700, 1200, 1400 | —                  | ✓       | ✓             | —        | ✓                         |
| Nước lạnh, 30, 40     |  , 500, 700, 1200, 1400 | ✓                  | ✓       | —             | ✓        | ✓                         |
| Nước lạnh, 30, 40     |  , 500                  | ✓                  | —       | ✓             | ✓        | —                         |
| Nước lạnh, 30         |  , 500, 700             | ✓                  | ✓       | ✓             | ✓        | —                         |
| 40                    |  , 500, 700, 1200, 1400 | ✓                  | ✓       | ✓             | ✓        | ✓                         |
| 40                    | 1200                                                                                                     | —                  | —       | —             | —        | —                         |

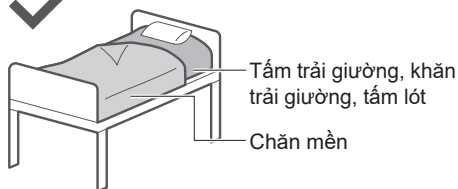
 : Chỉ xả (Không vắt)

# Mẹo giặt & sấy đồ

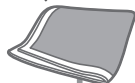
## Giặt chăn

### ■ Các đồ giặt được

- (Giặt) ● (Giặt tay)
- 100 % cotton hoặc 100 % sợi tổng hợp



### ■ Các đồ không giặt được



Chăn điện



Len



Lụa

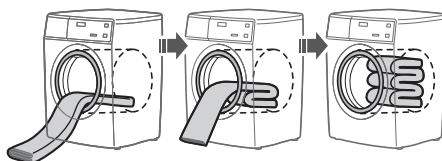
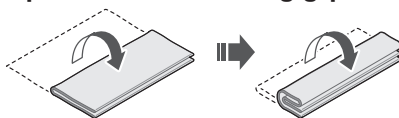


Lông cừu dài



Lông thú nhân tạo

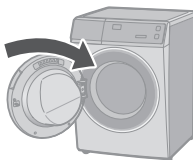
### ■ Đặt chăn mền vào lồng giặt



#### LƯU Ý



#### LƯU Ý



## Giặt Nhẹ

### ■ Khi giặt

- Để xả hoàn toàn, hãy dùng chức năng “Xả Tăng Cường”. (Tr. 27)

#### LƯU Ý



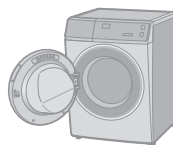
Chất tẩy



Nước giặt có độ tẩy nhẹ



### ■ Sau khi hoạt động kết thúc



Lấy ra ngay lập tức



# Thay đổi cài đặt chương trình

## ■ Chuẩn bị

- Sắp xếp đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 8)
- Thêm chất giặt tẩy. (Tr. 12)

1



Bật

2

Chọn chương trình. (Tr. 18)



3

Thay đổi các cài đặt của chương trình.



Tốc Độ Vắt Spin

Nhiệt Độ Temp

- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào chương trình. (Tr. 20)
- Một âm báo nếu bạn lựa chọn một tùy chọn không thể sử dụng được.

4



Khởi động

## l°c Nhiệt độ

Thay đổi nhiệt độ giặt.



Thấp



Cao

## ■ Hướng dẫn cài đặt

| <br>Thấp     | <br>Cao         |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ● Màu<br>    | ● Trắng<br>     |
| ● Bẩn ít<br> | ● Bẩn nhiều<br> |
| ● Chất liệu dễ co rút                                                                         | ● Đồ Cotton                                                                                      |

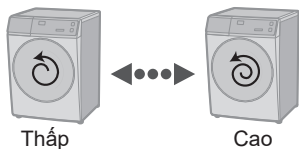
3

Nhiệt Độ Temp

(Tr. 20)

## r/min **Tốc độ vắt**

Thay đổi tốc độ vắt.



### ■ Hướng dẫn cài đặt

|                                                                                              |                                                                                              |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
|  <p>Thấp</p> |  <p>Cao</p> |
| ● Để giảm nếp nhăn                                                                           | ● Để vắt khô hơn                                                                             |
|             |             |

# 3

Tốc Độ Vắt  
Spin

(Tr. 19)

### ■ Để thay đổi cài đặt khi đang giặt



1



Tạm dừng

2



3



Khởi động

# Thay đổi cài đặt chương trình (tiếp)

## ■ Chuẩn bị

- Sắp xếp đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 8)
- Thêm chất giặt tẩy. (Tr. 12)

1



Bật

2

Chọn chương trình. (Tr. 18)



3

Thay đổi các cài đặt của chương trình.



Chế Độ Giặt

Chế Độ Giặt  
Wash Mode

Hẹn Giờ

Hẹn Giờ  
Timer

Xả Tăng Cường

Xả Tăng Cường  
Rinse +

- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào chương trình. (Tr. 20)
- Một âm báo nếu bạn lựa chọn một tùy chọn không thể sử dụng được.

4



Khởi động

## Chế Độ Giặt

Chọn một kết hợp các quá trình giặt, xả và vắt.

(Ví dụ)



3

Chế Độ Giặt  
Wash Mode

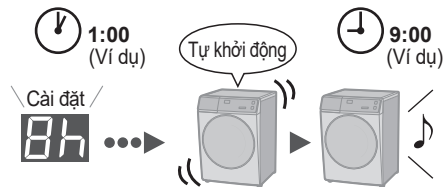
|    |             |
|----|-------------|
| *1 | Giặt        |
| *2 | Xả          |
| *2 | Vắt         |
|    | Giặt và xả  |
|    | Giặt và vắt |
| *2 | Xả và vắt   |

\*1 Nước sẽ được xả hết sau quá trình giặt.

\*2 Xả trước nếu có nước trong lồng.

## ⌚ Hẹn Giờ

Thiết lập máy để kết thúc vận hành sau bao nhiêu giờ. (Tối đa 24 giờ)



3

Hẹn Giờ  
Timer

8h  
(Ví dụ)

Nhấn hoặc giữ

### ■ Để kiểm tra thời gian hẹn giờ



### ■ Để hủy cài đặt



Tắt

(Tất cả cài đặt bị hủy)

LƯU Ý



Tắt cả các  
đèn chỉ báo sẽ  
tắt ngoại trừ



Khởi động

- Không khả dụng: Tr. 19

## 👑 Xả Tăng Cường

Thêm một lần xả nữa.



3

Xả Tăng Cường  
Rinse +

Đèn tắt  
(Tắt)

Đèn sáng  
(Bật)

### ■ Để thay đổi cài đặt khi đang giặt



1



Tạm dừng

2



Tắt

Bật



3



Khởi động

# Thay đổi cài đặt chương trình (tiếp)

## ■ Chuẩn bị

- Sắp xếp đồ giặt và cho vào lồng giặt. (Tr. 8)
- Thêm chất giặt tẩy. (Tr. 12)



**Blue Ag+**  
Tự Động Vệ Sinh Lồng Giặt

- Các tùy chọn có sẵn và phạm vi cài đặt sẽ khác nhau tùy thuộc vào chương trình. (Tr. 20)
- Một âm báo nếu bạn lựa chọn một tùy chọn không thể sử dụng được.



## **Tự động vệ sinh lồng giặt**

Thêm chu trình làm sạch lồng giặt.



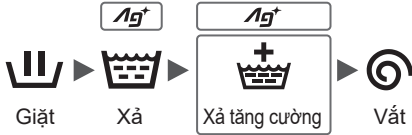
## **LƯU Ý**

- Cài đặt sẽ được lưu lại cho những lần sau.



## Ag+ Blue Ag+

Chức năng diệt khuẩn (Tối đa 3,0 kg).



3



### ■ Tuổi thọ của hộp Ag+

- “Blue Ag+” sẽ hoạt động được khoảng 300 đến 350 lần (khoảng 7 năm nếu dùng mỗi tuần một lần).
- Thay hộp này khi thành phần bên trong giảm.



• Thay thế



• Giặt không “Ag+”



### LƯU Ý

- Không sử dụng nước cho các mục đích khác.



Uống



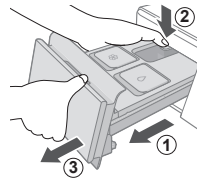
Nấu ăn



### ■ Thay thế hộp Ag+

1

Tháo ngăn Auto Dose



2

Tháo hộp Ag+



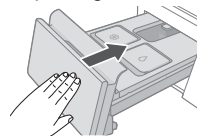
3

Thay thế và lắp lại hộp Ag+



4

Lắp lại ngăn Auto Dose hoàn toàn



- Các loại quần áo, chất giặt tẩy, nước xả và độ cứng của nước có thể ảnh hưởng đến kết quả.
- Không sử dụng nếu bị ngứa, v.v.



# Tiện ích sấy (Chỉ sấy)

Không thể cài đặt đồng thời tính năng này với các chương trình giặt khác.

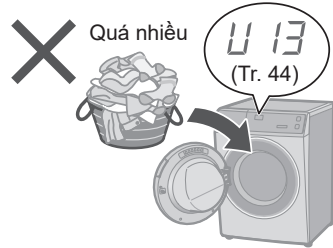
1

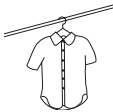


2



3



| Tiện ích sấy                                                                 | Chỉ báo (phút) | Mô tả                                                                                                                                                                                                                     | Khối lượng tối đa (kg) |
|------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Sấy Nhẹ Lite Dry</li> </ul>           | 120            | Sau khi vắt ở tốc độ 1400 r/min                                                                                                                                                                                           | 1,0                    |
|                                                                              | 180            | <br>Ví dụ: 5 áo sơ mi                                                                                                                    |                        |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Sấy Khô Finish Dry</li> </ul>         | 30             | Sấy thêm khi quần áo không đủ khô                                                                                                                                                                                         | 2,0                    |
|                                                                              | 120            | <br>Sau khi phơi                                                                                                                       |                        |
|                                                                              | 180            | <br>Ví dụ: 1 quần dài, 1 quần ngắn, 1 áo phông, 1 khăn tắm và 1 bộ đồ lót                                                              |                        |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Sấy Diệt Khuẩn Hygiene Dry</li> </ul> | 120            | Sau khi vắt ở tốc độ 1400 r/min                                                                                                                                                                                           | 0,5                    |
|                                                                              | 180            | <br><br>Ví dụ: 1 áo sơ mi, 2 quần trẻ em, 1 đôi tất |                        |

## LƯU Ý

- Cửa bị khóa trong quá trình sấy.



- Để mở cửa



Tạm dừng



Nhiệt Độ  
Temp

**Giữ  
5 giây**

Bắt đầu làm mát  
9 đến 24 phút



Vận hành  
kết thúc

- Sau khi sấy, cứ mỗi 5 phút lồng giặt sẽ quay 40 giây để ngăn ngừa nếp nhăn do chưa phơi quần áo.



Xấp xỉ 2 giờ



Đèn sáng  
(Bật)



- Để mở cửa



Tắt

hoặc



Tạm dừng

## Hiện tượng

- Sấy không đủ khô
- Sấy không khô đều



## Lời khuyên để có kết quả tốt

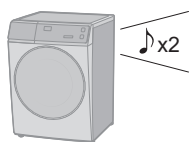
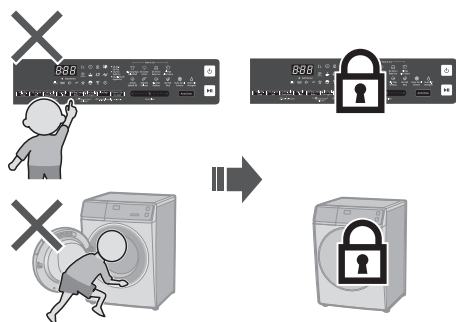
- Giảm lượng đồ giặt.



- Phân loại đồ giặt. (P. 30)
- Điều chỉnh thời gian sấy để đạt được hiệu quả sấy tốt nhất.
- Sử dụng "Sấy Khô (Finish Dry)" 30 phút để làm khô thêm.

# Thay đổi cài đặt thiết bị

## Cài đặt Khóa An Toàn

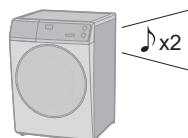


### ■ Để hủy:

Quy trình tương tự



## Hủy bỏ còi báo



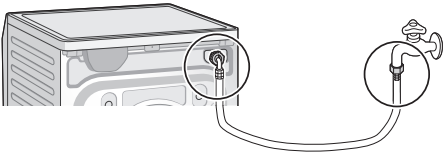
### ■ Để đặt lại:

Quy trình tương tự

# Bảo dưỡng

## Tắm lọc ống cấp nước

### Nếu nước chảy không đều



1

Không tải

2

Bật

3

Chọn Giặt Hàng Ngày

4

Khởi động Tắt

5

Tháo và vệ sinh lưới lọc

6

7

Tắm lọc ống cấp nước

8

9

10

# Bảo dưỡng (tiếp)

## Ngăn Auto Dose

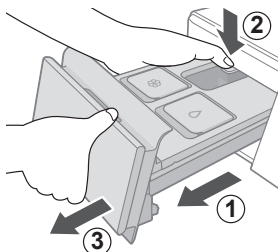
3 tháng  
một lần

Khi thay đổi loại  
nước giặt hoặc  
nước xả vải

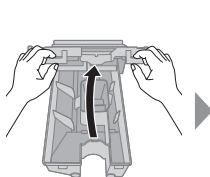
Khi không sử  
dụng trong hơn  
1 tháng

Khi thêm nước giặt/  
nước xả vải mà cửa  
sổ không đổi màu

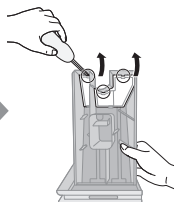
### 1 Tháo ngăn ra.



### 2 Mở nắp ngăn chứa từ phía sau, tháo các tấm lọc bằng cách sử dụng tua vít đẩy vào lần lượt các lỗ trên từng tấm lọc để tháo lấy rồi kéo tấm lọc ra, sau đó rửa sạch bằng nước.



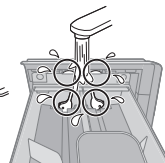
Mở nắp ngăn chứa



Tháo các tấm lọc



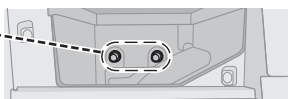
Rửa sạch với nước



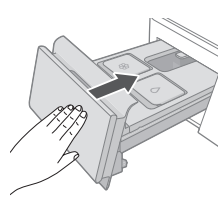
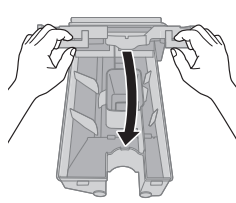
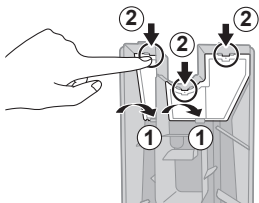
Vệ sinh các vị trí khoan  
tròn để làm sạch cửa sổ

#### LƯU Ý

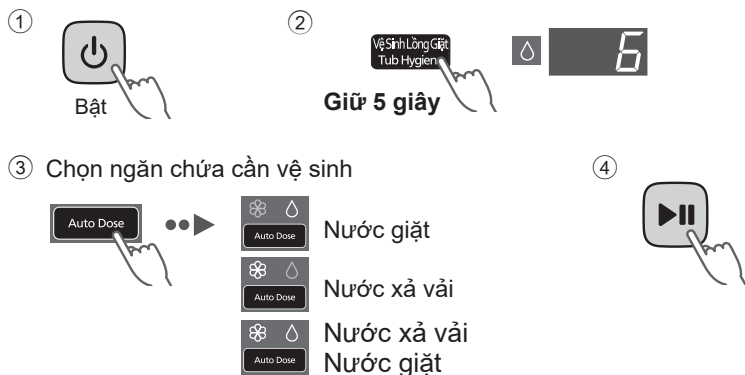
- Không sử dụng lại nước giặt và nước xả vải còn sót lại.
- Không lau phần đầu bơm... (có thể gây tắc nghẽn)



### 3 Gắn tấm lọc, đóng nắp và gắn ngăn chứa.



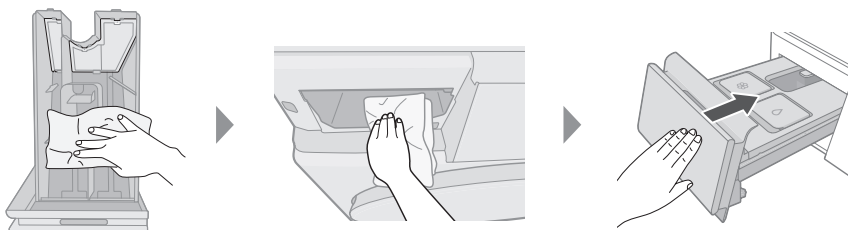
- 4**
- Đổ nước vào khoảng nửa ngăn chứa sau đó đẩy ngăn vào hoàn toàn.
  - Đóng nắp máy giặt và chạy tính năng “Vệ sinh ngăn Auto Dose” để làm sạch ngăn chứa nước giặt và nước xả vải (vệ sinh mỗi ngăn trong 6 phút).



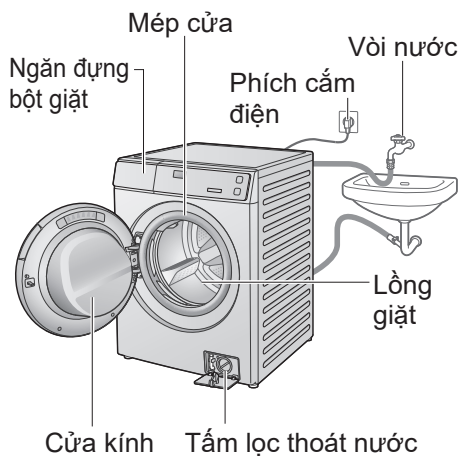
- Nếu đầu bơm bị tắc, hãy chạy tính năng “Vệ sinh ngăn Auto Dose chuyên sâu” (vệ sinh mỗi ngăn trong 47 phút).



- 5** Tháo ngăn chứa ra, đổ bỏ lượng nước còn lại và lau sạch, sau đó lắp ngăn chứa vào hoàn toàn.



# Bảo dưỡng (tiếp)



## Thiết bị

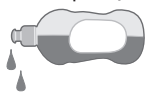


Mép cửa



Nếu bẩn nhiều

Chất tẩy rửa nhà bếp nhẹ



## LƯU Ý



- Không sử dụng chất tẩy rửa hoặc dung môi có hạt cứng, hoặc các sản phẩm có chứa cồn hoặc dầu parafin.

## Lồng giặt

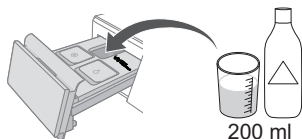
Mỗi tháng một lần hoặc nếu đèn nháy <Vệ Sinh Lồng Giặt>

1



2

Chất tẩy trắng (chất tẩy Clo)



3



Bật

Không tải

4

- cho Giặt

Vệ Sinh Lồng Giặt  
Tub Hygiene

- cho Giặt & Sấy

1

Vệ Sinh Lồng Giặt  
Tub Hygiene

2

Tiện Ích Sấy  
Dry Assist

5



Khởi động



## LƯU Ý

- Nếu chương trình “Vệ Sinh Lồng Giặt” không chạy, đèn chỉ báo sẽ tắt khi chương trình khác chạy được 3 lần.



## Tắm lọc thoát nước

Mỗi tháng một lần

Đảm bảo đã xả hết nước trong lồng giặt trước quy trình này.



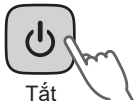
### CẨN THẬN



Nước nóng  
(Có thể bị bỏng)

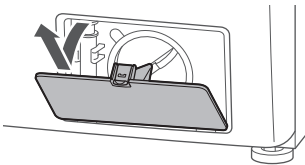


1

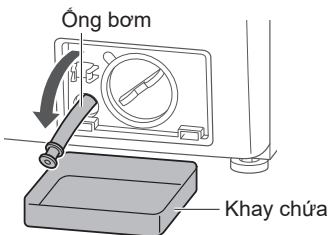


Tắt

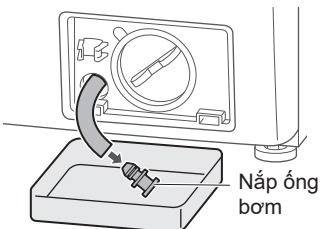
2



3



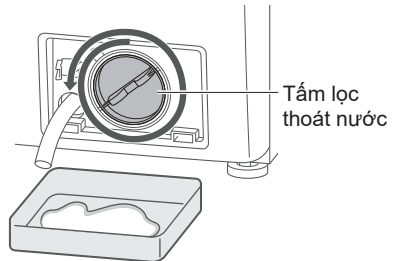
4



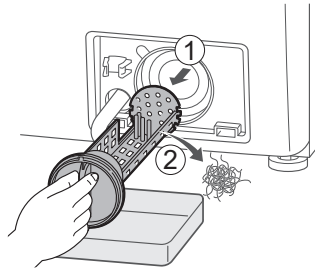
5



6



7



8

Thay thế

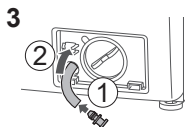
1



2 Cho đến khi vào đúng vị trí



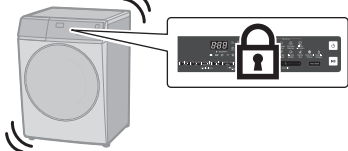
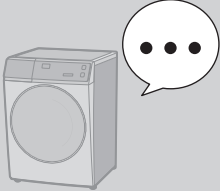
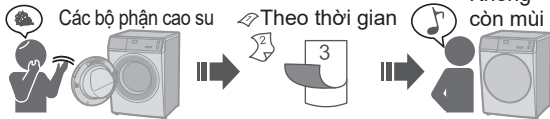
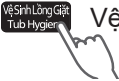
3



4



# Xử lý sự cố

|           | Hiện tượng                                                                                                                            | Các điểm cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Máy chính | <p><b>Nhấn các nút</b></p>  <p>Không có phản ứng</p> | <p><input type="checkbox"/> Nguyên nhân có thể</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Trong một hoạt động</li> </ul>  <p><input type="checkbox"/> Thử</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Khóa An Toàn (Tr. 30)</li> </ul>                                                                                              |
|           | <p><b>Không vận hành</b></p>                         | <p><input type="checkbox"/> Kiểm tra</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Mất điện</li> <li>Hẹn giờ</li> </ul>  <p><input type="checkbox"/> Thử</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Đóng cửa.</li> <li>Mở nước.</li> <li>Rút phích cắm và cắm lại.</li> <li>Nhấn "Khởi động".</li> <li>Bật cầu dao lên.</li> </ul>  |
|           | <p><b>Mùi cao su</b></p>                           | <p><input type="checkbox"/> Nguyên nhân có thể</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Các bộ phận cao su</li> <li>Theo thời gian</li> <li>Không còn mùi</li> </ul>  <p><input type="checkbox"/> Thử</p> <p>Vệ Sinh Lồng Giặt (Tr. 36)</p>                                                                                 |

## Hiện tượng

### Cửa không mở



## Các điểm cần kiểm tra

### □ Nguyên nhân có thể

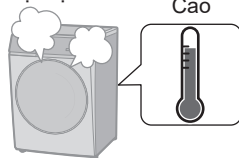
- Trong một hoạt động (giặt hoặc sấy)



Cửa bị khóa.  
Để mở cửa trong khi vận hành  
(Tr. 16)

### □ Kiểm tra

- Nhiệt độ



- Mức nước



### □ Thử

- Khóa An Toàn (Tr. 30)



- Trong một hoạt động

1



2



3



4

Mở



### LƯU Ý



Mất điện



Có điện lại



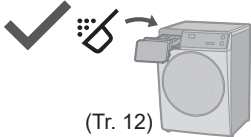
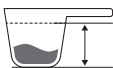
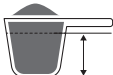
Cửa bị khóa

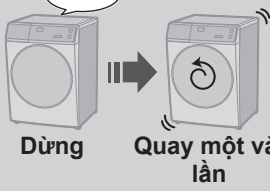
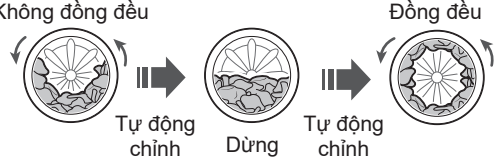
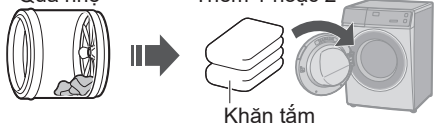
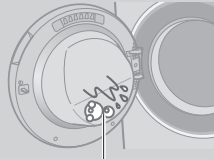
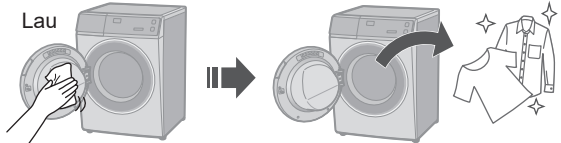
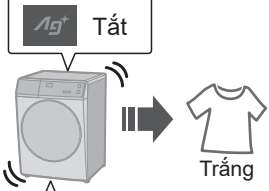
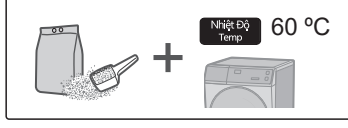


Cửa bị khóa



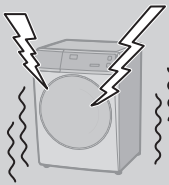
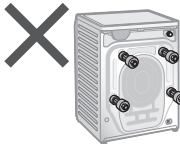
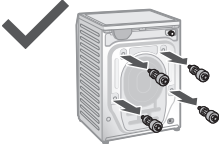
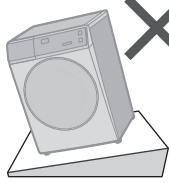
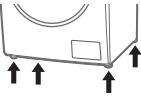
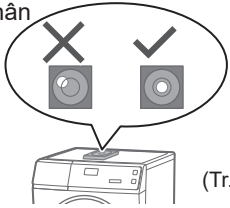
# Xử lý sự cố (tiếp)

|                      | Hiện tượng                                                                                                                  | Các điểm cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chất giặt tẩy và bột | <b>Sau khi giặt</b><br>                    | <input type="checkbox"/> Kiểm tra<br><br><br><br>(Tr. 12)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|                      |  <b>Bột</b>                                | <input type="checkbox"/> Nguyên nhân có thể <ul style="list-style-type: none"> <li>• Lượng bột sẽ khác nhau.</li> <li>• Nhiệt độ</li> <li>• Mức nước</li> <li>• Độ mềm của nước</li> </ul> <br><br>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|                      | <b>Không đủ</b><br>                        | <input type="checkbox"/> Kiểm tra <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bột giặt</li> </ul> <br><br>(Tr. 12) <ul style="list-style-type: none"> <li>• Quá ít chất giặt tẩy</li> <li>• Chất giặt tẩy ít bột</li> <li>• Bẩn nhiều</li> <li>• Tải quá lớn</li> </ul> <br><br><br> |
|                      | <b>Quá nhiều</b><br>                     | <input type="checkbox"/> Kiểm tra <ul style="list-style-type: none"> <li>• Quá nhiều chất giặt tẩy</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Giặt                 | <b>Trong khi giặt</b><br> <b>Xả nước</b> | <input type="checkbox"/> Nguyên nhân có thể <ul style="list-style-type: none"> <li>Bột quá nhiều</li> <li>Chức năng phát hiện bột</li> <li>Tự động xả nước</li> </ul> <br><b>Bột</b><br><br><b>Tự động xả nước</b><br><br><b>Tự động cấp nước</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

|         | Hiện tượng                                                                                                                                                   | Các điểm cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Xả/Vắt  | <p>Trong quá trình vắt</p>  <p><b>Dừng</b>      <b>Quay một vài lần</b></p> | <p><input type="checkbox"/> Nguyên nhân có thể</p> <p>Không đồng đều</p>  <p>Tự động chỉnh      Dừng      Tự động chỉnh      Đồng đều</p> <p><input type="checkbox"/> Thử</p> <p>Quá nhẹ</p>  <p>Thêm 1 hoặc 2</p> <p>Khăn tắm</p> |
|         | <p>Sau khi giặt</p>  <p><b>Bọt hoặc nước</b></p>                            | <p><input type="checkbox"/> Thử</p> <p>Lau</p>                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|         | <p>Vắt thay đổi sang xả</p>  <p>Vắt      Xả</p>                            | <p><input type="checkbox"/> Nguyên nhân có thể</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu quần áo không đồng đều, máy sẽ tự động lấy lại trạng thái cân bằng/đồng đều bằng cách quay về quy trình xả.</li> </ul>                                                                                               |
| Đồ giặt | <p>Nếu đồ giặt màu vàng</p>  <p>Vàng</p>                                  | <p><input type="checkbox"/> Thử</p>  <p>Tắt</p> <p>Trắng</p>  <p>Nhiệt Độ Temp. 60 °C</p>                                                                                                                                      |

# Xử lý sự cố (tiếp)

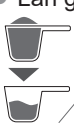
|           | Hiện tượng                                                                                                                                         | Các điểm cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thời gian | <p><b>Trong khi giặt</b></p> <p>Thời gian hiển thị</p> <p><b>0:57 ...&gt; 0:59</b></p> <p>Thay đổi</p>                                             | <p><input type="checkbox"/> Nguyên nhân có thể</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Thời gian còn lại được điều chỉnh trong quá trình hoạt động.</li> </ul> <p><b>0:57</b> Xấp xỉ  <b>0:59</b> Đã điều chỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu cài đặt thay đổi</li> <li>Nếu quần áo không đồng đều</li> </ul> <p> </p> <p>⇒ Thời gian còn lại có thể tăng lên.</p> |
|           | <p><b>Thời gian còn lại</b></p> <p>Không giảm</p> <p><b>0:57 ...&gt; 0:57</b></p> <p>hoặc</p> <p>Giảm đột ngột</p> <p><b>0:57 ...&gt; 0:40</b></p> | <p><input type="checkbox"/> Nguyên nhân có thể</p> <p>Thời gian hiển thị là một hướng dẫn.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|           | <p><b>Trong khi xả nước</b></p>                                  | <p><input type="checkbox"/> Nguyên nhân có thể</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Điều này là bình thường.</li> </ul> <p>Bơm thoát nước đang hoạt động.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Tiếng ồn  | <p><b>Tiếng quạt quay</b></p>                                   | <p><input type="checkbox"/> Nguyên nhân có thể</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Điều này là bình thường.</li> </ul> <p>Quạt này sẽ làm mát các bộ phận điện.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|           | <p><b>Động cơ phát ra tiếng ồn</b></p>                          | <p><input type="checkbox"/> Nguyên nhân có thể</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Điều này là bình thường.</li> </ul> <p>Động cơ có thể phát ra tiếng ồn khi hoạt động.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

|          | Hiện tượng                                                                                                                                                                                                                    | Các điểm cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tiếng ồn | <b>Tiếng ồn (hoặc rung) bất thường</b><br>                                                                                                   | <input type="checkbox"/> Kiểm tra <ul style="list-style-type: none"> <li>● Các vật kim loại<br/>   </li> <li>● Bulông neo bệ máy (Tr. 48)<br/>   </li> <li>● Độ dốc hoặc bề mặt không ổn định<br/>    </li> <li>● Điều chỉnh 4 chân<br/>   <p>(Tr. 48)</p> </li> </ul> |
|          |                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Khác     | <b>Mất điện</b><br><br><b>Cầu dao</b><br><br><b>Tắt</b> | <input type="checkbox"/> Kiểm tra <ul style="list-style-type: none"> <li>● Khi có điện trở lại, máy sẽ tiếp tục vận hành từ nơi đã dừng lại.<br/>    </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

# Lỗi hiển thị

| Lỗi hiển thị                           | Điểm cần kiểm tra                                                                                                                                                                                              |
|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>U 11</p> <p>Không thể xả nước</p>   | <p>1 Kiểm tra</p> <p>2</p> <p>3</p> <p>Khởi động</p> <p>X X X X X (Tr. 37)</p>                                                                                                                                 |
| <p>U 12</p> <p>Cửa đang mở</p>         | <p>1</p> <p>2</p> <p>Khởi động</p>                                                                                                                                                                             |
| <p>U 13</p> <p>Không thể vắt / sấy</p> | <p>1</p> <p>2 Kiểm tra</p> <p>3</p> <p>Khởi động</p> <p>Không đồng đều Đồng đều Không ổn định hoặc nghiêng Ổn định Quá nhiều Giảm Quá ít Thêm</p> <p>&lt;Tiện ích sấy&gt;<br/>Vắt<br/>Quá ướt (1400 r/min)</p> |
| <p>U 14</p> <p>Không thể cấp nước</p>  | <p>1 Kiểm tra</p> <p>2</p> <p>3</p> <p>Khởi động</p> <p>Mất nước Đã tắt Tắm lọc ống cấp nước (Tr. 33)</p>                                                                                                      |



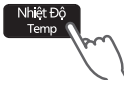
| Lỗi hiển thị                                                                                              | Điểm cần kiểm tra                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <br><b>Không thể vắt</b> | <div> <div> <b>1</b> Khởi động lại              <br/>Tắt      Bật         </div> <div> <b>2</b> Chạy quá trình Xả và Vắt của chương trình "Active Speed 38"         </div> </div> <div> <div>  </div> <div>  <br/>Chất giặt tẩy ít bọt         </div> </div> |
|                           | <div> <div> <b>1</b>  </div> <div> <b>2</b>  </div> <div> <b>3</b>  </div> </div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

■ Thông tin


  
**Không thể mở**



**Nóng**  
 Đang sấy (Tr. 31)


  
**Giữ 5 giây**

**Bắt đầu làm mát**  
 ●●●●●▶  
 9 đến 24 phút



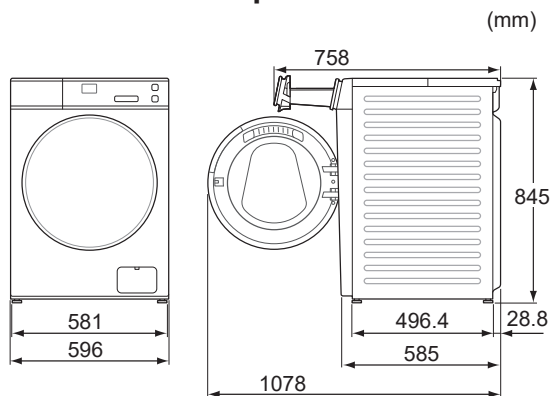
# Chọn đúng chỗ



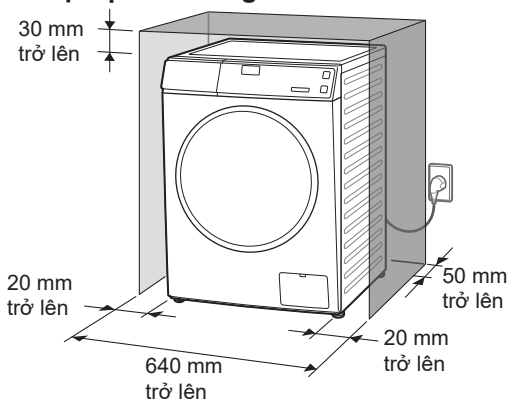
**Đảm bảo yêu cầu nhân viên bảo trì cho việc lắp đặt.**

- Không tự mình lắp đặt thiết bị này.
- Làm theo phương pháp lắp đặt này. Nếu không, Panasonic sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tai nạn hoặc thiệt hại nào.

## Kích thước sản phẩm

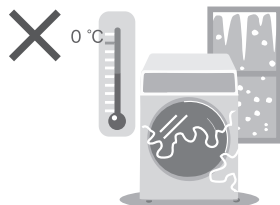


## ■ Lắp đặt vào trong



- Không để các bộ phận kim loại của thiết bị tiếp xúc với bồn kim loại hoặc các thiết bị khác.

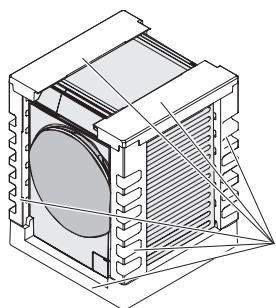
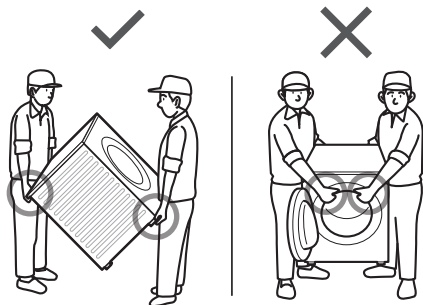
## Kiểm tra vị trí.



# Di chuyển và Lắp đặt

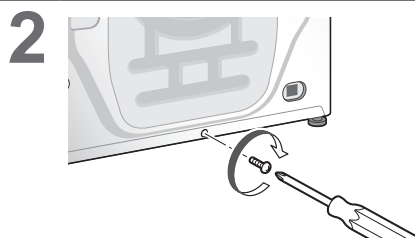
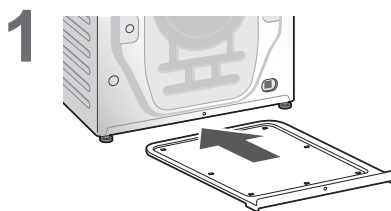
## Vận chuyển thiết bị

Không thực hiện một mình.



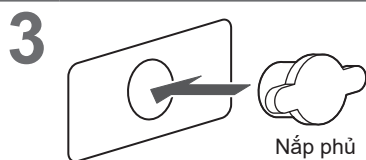
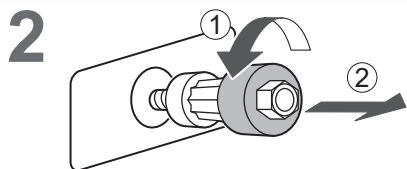
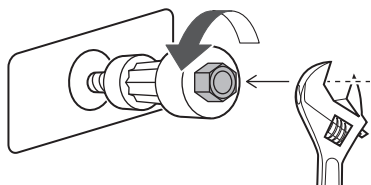
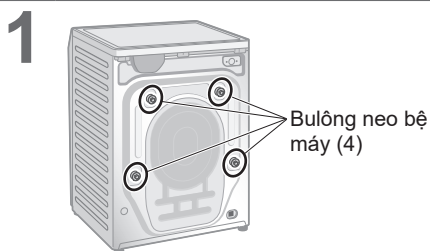
Tháo bỏ tất cả xốp  
đóng gói trước khi  
bắt đầu sử dụng  
thiết bị.

## Lắp đặt tấm đáy

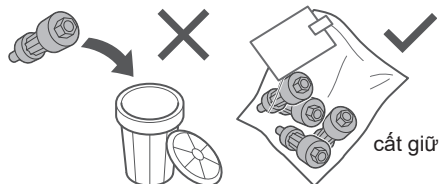


# Di chuyển và Lắp đặt (tiếp)

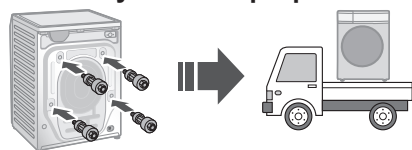
## Tháo các bulông neo bệ máy



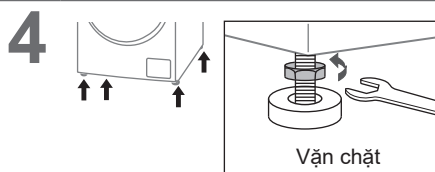
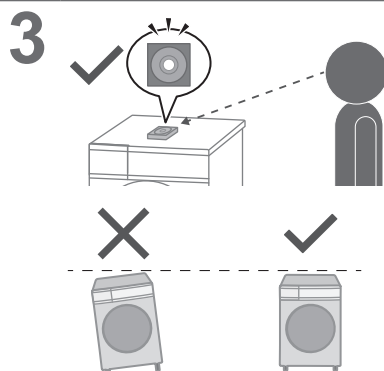
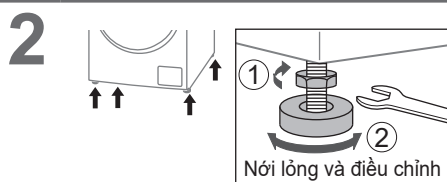
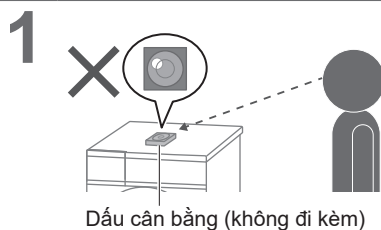
### LƯU Ý



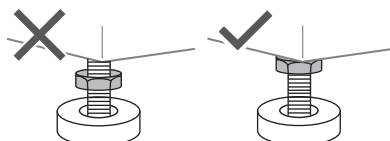
### ■ Di chuyển thiết bị một lần nữa



## Cân bằng thiết bị



### LƯU Ý



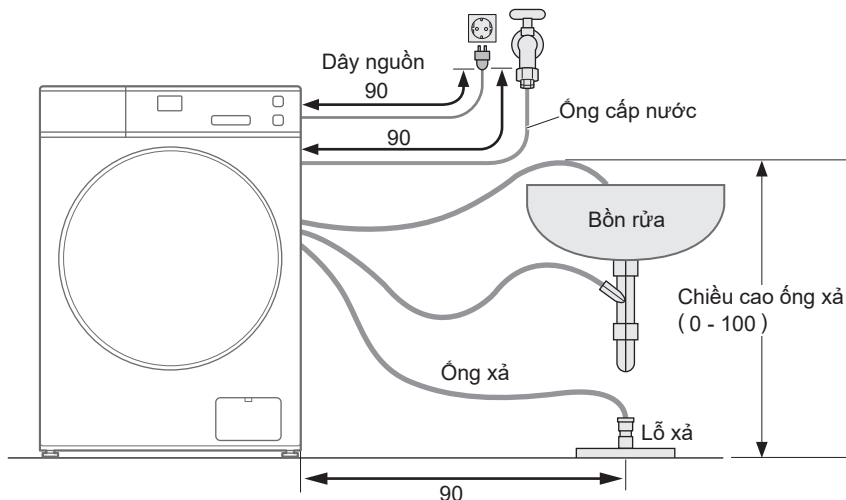
# Nối đường ống

Kết nối các ống đúng cách để tránh rò rỉ nước.

## Khoảng cách kết nối tối đa cho các ống và dây nguồn

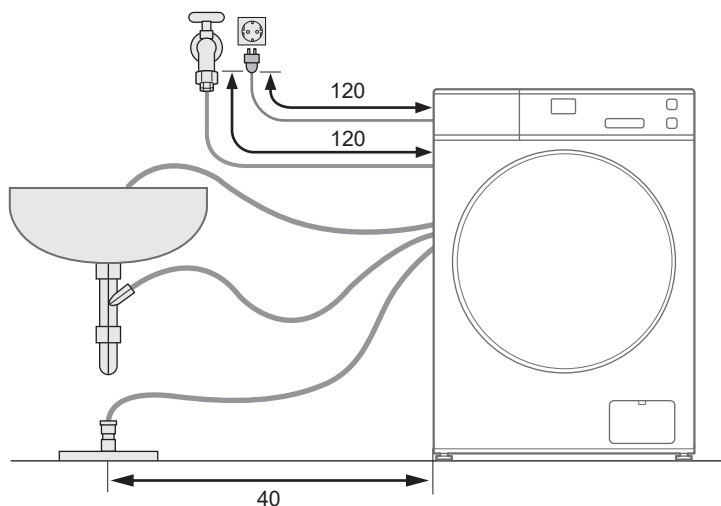
### Kết nối bên phải

(cm)



### Kết nối bên trái

(cm)



# Nối đường ống (tiếp)

## Ống cấp nước

### ■ Nối ống cấp nước



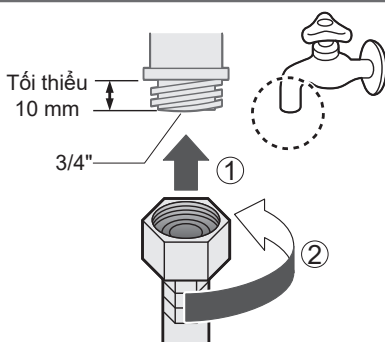
## CẦN THẬN

- Vặn chặt đai ốc.
- Không được uốn cong, ép, sửa đổi hoặc cắt ống.

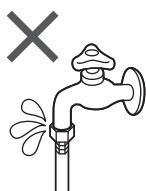
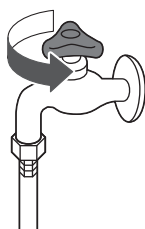
1



2

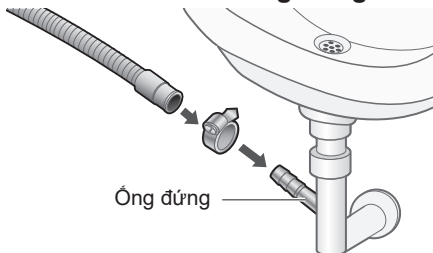


3



## Ống xả

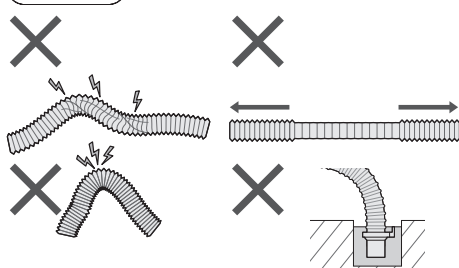
### ■ Thoát nước vào ống đứng



### ■ Thoát nước vào ống xả



### LƯU Ý

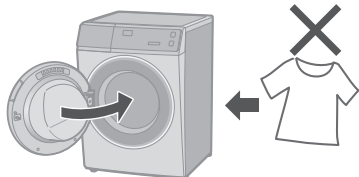


# Chạy thử

1



2



3



4



38' Active Speed 38

5



## Kiểm tra sau khi chạy thử

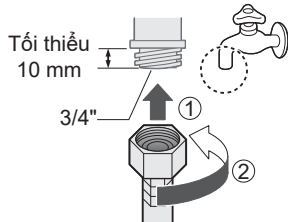
Sự cố

Rò rỉ nước



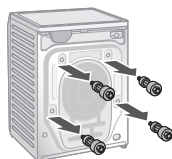
Nguyên nhân và biện pháp

Nối ống cấp nước đúng cách

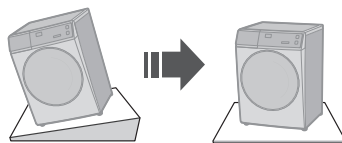


Âm thanh bất thường

● Tháo các bulông neo bộ máy (Tr. 48)



● Lắp đặt ổn định



Lỗi hiển thị

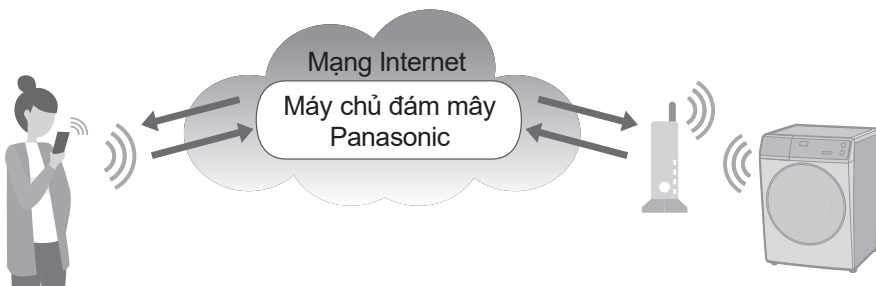


Xem Tr. 44.

# Panasonic SmartApp+

Thuận tiện hơn với điện thoại thông minh của bạn

Bạn có thể sử dụng dịch vụ bằng ứng dụng “Panasonic SmartApp+”.



**Bạn có thể vận hành máy giặt hoặc cài đặt hẹn giờ trên ứng dụng.**

**Hỗ trợ lựa chọn chương trình từ lịch sử chương trình.**

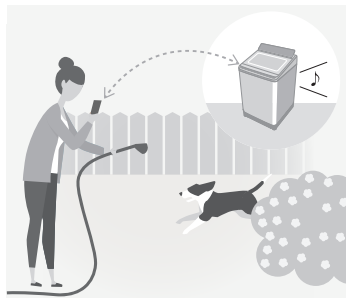
Trên ứng dụng của chúng tôi có “Mục yêu thích”. Bạn có thể tạo các chương trình gốc với các cài đặt yêu thích của mình.

- Có thể lưu tối đa 10 cài đặt.



Thông báo tình trạng giặt và kết thúc hoạt động.

**Có thể lấy quần áo ra ngay sau khi giặt.**



- Các nội dung, chức năng và thiết kế của dịch vụ này có thể thay đổi hoặc chấm dứt mà không cần thông báo trước.



## Thiết bị và Môi trường cần thiết

Hãy kiểm tra thiết bị cần thiết để sử dụng ứng dụng.

- Điện thoại thông minh Android hoặc iOS (iPhone)

- Về hệ điều hành được hỗ trợ

<https://www.panasonic.com/fiot/wash/>



Trang web Panasonic



- Môi trường Internet

Hãy xác nhận rằng đó là đường truyền băng thông rộng.

Ví dụ FTTH (cáp quang), ADSL, CATV (truyền hình cáp), v.v.

Phí truy cập Internet sẽ do khách hàng chịu.



- Bộ định tuyến mạng LAN không dây  
Sử dụng bộ định tuyến mạng LAN không dây để kết nối với Internet.



### LƯU Ý

- Đảm bảo rằng bộ định tuyến mạng LAN không dây có tiêu chuẩn giao tiếp là băng tần 2,4 GHz. (Chuẩn giao tiếp: IEEE802.11b, IEEE802.11g, IEEE802.11n) Khác với những điều trên không thể được sử dụng.
- Không thể sử dụng các mô hình chỉ hỗ trợ WEP.
- Như một biện pháp bảo mật, hãy đảm bảo sử dụng bộ định tuyến mạng LAN không dây có thể đặt phương thức mã hóa WPA3, WPA2 hoặc WPA.
- Chúng tôi khuyến nghị sử dụng WPA3 và WPA2 (AES) làm phương pháp mã hóa.
- Chúng tôi không đảm bảo hoạt động của tất cả các bộ định tuyến mạng LAN không dây. (Bộ định tuyến di động không được đảm bảo hoạt động.)

# Panasonic SmartApp+ (tiếp)

## Cài đặt ban đầu



Thực hiện theo các cài đặt trên màn hình của ứng dụng.

### 1 Cài đặt ứng dụng “Panasonic SmartApp+” (miễn phí).

- Bạn có thể truy cập liên kết để tải xuống ứng dụng từ trang web Panasonic.  
<https://www.panasonic.com/fiot/wash/>



Trang web Panasonic

- Ngoài ra, bạn có thể tìm kiếm ứng dụng “Panasonic SmartApp+” trên Google Play (Android) hoặc App Store (iOS) và cài đặt ứng dụng.
- Bạn cũng có thể quét liên kết để cài đặt ứng dụng từ mã QR được dán trên máy giặt.

### 2 Làm theo hướng dẫn hiển thị trên màn hình của ứng dụng và đăng ký máy giặt.

- Vận hành ở vị trí mà bạn có thể kiểm tra màn hình trên máy giặt.
- Ứng dụng không thể được vận hành khi máy giặt đang hoạt động.



Sử dụng ứng dụng (Tr. 55)

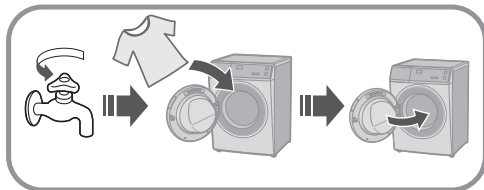
## Sử dụng ứng dụng “Panasonic SmartApp+”

Sau khi hoàn tất cài đặt ban đầu, bạn có thể sử dụng ứng dụng.

### Chuẩn bị sử dụng tính năng “Điều khiển từ xa”

Bạn cần chuẩn bị máy giặt trước khi ra ngoài.

1



**LƯU Ý**

- Đóng chặt cửa máy giặt

2



Bật



Đèn sáng  
(Bật)



Kiểm tra cài đặt  
“Auto Dose” để  
đảm bảo vẫn còn  
nước giặt / nước  
xả vải (Tr. 11, 14)

hoặc



3



Giữ  
5 giây



Xấp xỉ 2 giây

Sau 10 phút



Tắt cả các đèn chỉ  
báo sẽ tắt ngoại trừ:



### LƯU Ý

- Để hủy trạng thái chờ của điều khiển từ xa và mở khóa cửa → Tắt nguồn.
- Khi không có điều khiển từ xa từ ứng dụng, trạng thái chờ của điều khiển từ xa sẽ được giải phóng sau 23 giờ. Trong thời gian đó, tất cả các nút trên thiết bị (ngoại trừ ) bị vô hiệu hóa. Bạn chỉ có thể điều khiển máy giặt từ ứng dụng. Sau 23 giờ, màn hình bình thường hiển thị và điều khiển từ xa bị tắt.

Để kiểm tra trạng thái giao tiếp với đèn trên bảng điều khiển.

■ Vị trí đèn



Sáng

Có thể giao tiếp (Đã kết nối)



Nấp nháy

Cố gắng giao tiếp  
(Đang kết nối với máy chủ)



Tắt

Không kết nối

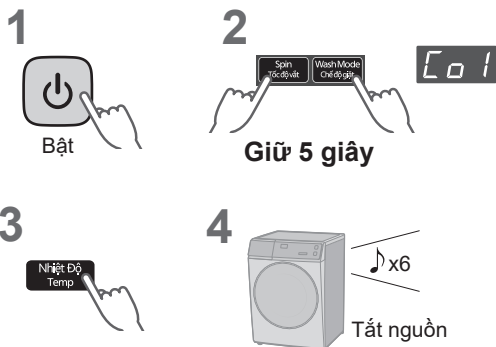


# Panasonic SmartApp+ (tiếp)

## Khởi tạo

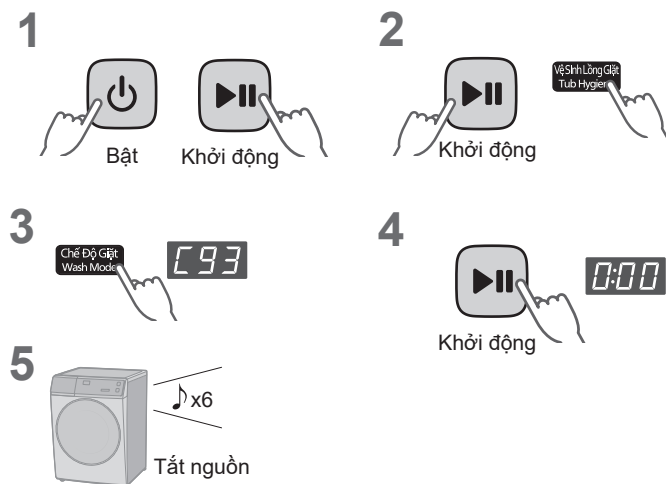
- Khi bạn ngừng sử dụng ứng dụng “Panasonic SmartApp+”
- Sử dụng bị nghi ngờ do truy cập trái phép
- Nếu máy giặt của bạn là thiết bị đã qua sử dụng

Đặt lại cài đặt mạng LAN không dây về cài đặt mặc định.  
(Vận hành trên máy giặt)  
Bạn cũng nên ngừng sử dụng ứng dụng.



Đặt lại tất cả các nội dung như cài đặt mạng LAN không dây, cài đặt máy giặt, lịch sử hoạt động, v.v. về trạng thái tại thời điểm mua.  
(Khởi tạo toàn diện)  
(Vận hành trên máy giặt)

Khi bạn vứt bỏ hoặc chuyển nhượng máy giặt



## Lỗi hiển thị

| Lỗi hiển thị                                                             | Nguyên nhân & Biện pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>U81</b>                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>Không kết nối được máy giặt và bộ định tuyến mạng LAN không dây. Kiểm tra những điều sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Bộ định tuyến chưa được bật. → Bật nguồn.</li> <li>Khoảng cách giữa bộ định tuyến và máy giặt quá xa. → Đưa bộ định tuyến lại gần.</li> <li>Có một thiết bị sử dụng sóng vô tuyến, chẳng hạn như lò vi sóng, gần đó. <ul style="list-style-type: none"> <li>→Giữ khoảng cách thích hợp.</li> <li>→Ngừng sử dụng thiết bị hoặc đợi một lúc và thử lại.</li> </ul> </li> <li>Nhiều thiết bị được kết nối với bộ định tuyến. <ul style="list-style-type: none"> <li>→Tắt nguồn của thiết bị bạn không sử dụng.</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul> |
| <b>U82</b>                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>Lỗi giao tiếp với máy chủ.</li> <li>Có thể có sự cố với kết nối Internet của bạn. <ul style="list-style-type: none"> <li>→ Nếu bạn không biết nguyên nhân, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc nhà sản xuất bộ định tuyến của bạn.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>U83</b>                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>Trong “Kết nối dự phòng”, SSID hoặc mật khẩu của bộ định tuyến không chính xác. <ul style="list-style-type: none"> <li>→ Kiểm tra mô tả của bộ định tuyến.</li> </ul> </li> <li>Không kết nối được máy giặt và bộ định tuyến. <ul style="list-style-type: none"> <li>→ Kiểm tra “U81” ở trên.</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>U84</b>                                                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>“Quét kết nối” không thành công. Kiểm tra những điều sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Cài đặt Bluetooth® trên điện thoại thông minh của bạn đã bị tắt.</li> <li>Mã QR không thể đọc chính xác.</li> </ul> </li> <li>Đảm bảo rằng cài đặt Bluetooth® đang bật, rồi kết nối lại. Nếu bạn vẫn không thể kết nối, hãy thử “Kết nối dự phòng”.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>Ứng dụng hiển thị các câu như “Không thể giao tiếp với máy giặt.”</b> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Giao tiếp lại sau một lúc hoặc kiểm tra trạng thái kết nối bằng phương pháp sau. <ol style="list-style-type: none"> <li> Tắt</li> <li> Bật</li> <li> <b>Giữ 5 giây</b></li> <li> Hẹn Giờ 11h</li> </ol> </li> <li>→ Nếu “U81”, “U82”, v.v. được hiển thị, đó là lỗi kết nối. Kiểm tra ở trên.</li> </ul>                           |

# Panasonic SmartApp+ (tiếp)

## Sử dụng cho mạng LAN/Bluetooth® không dây

### ■ Hạn chế sử dụng

Xin lưu ý rằng có những hạn chế sử dụng sau đây. Panasonic không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại ngẫu nhiên nào do không tuân thủ các giới hạn và việc sử dụng hoặc không thể sử dụng thiết bị.

- Không kết nối với mạng không dây mà bạn không được phép sử dụng.  
Mạng không dây (SSID\*) mà bạn không được phép sử dụng trong quá trình tự động tìm kiếm môi trường mạng không dây có thể được hiển thị, nhưng nếu bạn kết nối, nó có thể bị coi là truy cập trái phép.

- Không sử dụng ở nơi có từ trường mạnh, tĩnh điện hoặc nhiễu sóng vô tuyến.  
Nếu bạn sử dụng gần các thiết bị sau, liên lạc có thể bị gián đoạn hoặc tốc độ có thể chậm lại.

- Lò vi sóng
- Các thiết bị LAN / Bluetooth® không dây khác
- Các thiết bị khác sử dụng sóng vô tuyến ở băng tần 2,4 GHz (điện thoại không dây kỹ thuật số, thiết bị âm thanh không dây, bảng điều khiển trò chơi, thiết bị ngoại vi PC, v.v.)
- Các vật bằng kim loại dễ phản xạ sóng vô tuyến

### ■ Các biện pháp an ninh

- Vì mạng LAN không dây sử dụng sóng vô tuyến để gửi và nhận dữ liệu, nên có nguy cơ bị truy cập trái phép. Thực hiện các biện pháp bảo mật để đảm bảo an toàn cho dữ liệu của bạn. (Tr. 53) Xin lưu ý rằng chúng tôi không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sự cố nào xảy ra mà không áp dụng các biện pháp bảo mật.
- Để biết mật khẩu (khóa mã hóa) của bộ định tuyến mạng LAN không dây, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng của bộ định tuyến mạng LAN không dây và thiết lập bảo mật.

### ■ Giới thiệu về chương trình cơ sở

- Thiết bị này có chức năng kết nối với máy chủ cập nhật chương trình cơ sở qua Internet và tự động cập nhật chương trình cơ sở của chính nó lên phiên bản mới nhất. Vì liên lạc không dây tạm thời bị gián đoạn trong quá trình cập nhật, liên lạc có thể bị gián đoạn hoặc tốc độ có thể chậm lại.
- Không phân tích hoặc sửa đổi chương trình cơ sở.

---

\* Tên được sử dụng để xác định một mạng cụ thể trên mạng LAN không dây. Nếu SSID này khớp trên cả hai thiết bị, thì có thể giao tiếp.

## Bản quyền, v.v.

- Android and Google Play are trademarks or registered trademarks of Google LLC.
- iPhone is a trademark of Apple Inc., registered in the U.S. and other countries.
- IOS is a trademark or registered trademark of Cisco in the U.S. and other countries and is used under license.
- The App Store is a service mark of Apple Inc.
- QR Code is registered trademark of DENSO WAVE INCORPORATED.
- Bluetooth® word mark and logo are registered trademarks owned by Bluetooth SIG, Inc.
- Panasonic Corporation uses these marks under license. Other trademarks and trade names are property of their respective owners.
- Other names, company names, product names, etc. described in this manual are trademarks or registered trademarks of their respective companies. Some ™ and ® marks are not included in the text.

### ■ About software

This product consists of the following types of software.

- (1) Software developed by or for Panasonic Corporation (Panasonic)
- (2) Software owned by a third party and licensed to Panasonic
- (3) Conditionally licensed open source software

The software classified in (3) above is distributed with the expectation that it will be useful on its own, but we do not warrant any implied guarantee of “commerciality” or “fitness for a specific purpose”. No warranty is given, including.

You can find the most up-to-date information below.

<https://www.panasonic.com/content/dam/Panasonic/vn/vi/PDF/2024/Operating-Instructions-NA-V115FW1BV.pdf>



# Thông số kỹ thuật

|                                             |         | NA-V115FW1      |
|---------------------------------------------|---------|-----------------|
| Điện áp định mức (V)                        |         | 220 - 240       |
| Tần số định mức (Hz)                        |         | 50              |
| Công suất điện năng tối đa (W)              |         | 1600 - 1900     |
| Công suất điện năng gia nhiệt (W)           | Để giặt | 1445 - 1710     |
|                                             | Để sấy  | 300 - 350       |
| Tốc độ vắt tối đa (r/min)                   |         | 1400            |
| Kích thước sản phẩm (Rộng x Dài x Cao) (mm) |         | 596 × 585 × 845 |
| Trọng lượng sản phẩm (kg)                   |         | 69              |
| Khối lượng giặt tối đa (Vải khô) (kg)       |         | 11.5            |
| Khối lượng sấy tối đa (Vải khô) (kg)        |         | 2.0             |
| Áp suất nước máy (MPa)                      |         | 0,012 - 1       |

\* Khi áp suất nước máy nhỏ hơn 0,03 MPa có khả năng tồn đọng chất giặt tẩy trong khay đựng chất giặt.